

Working Paper 2025.1.3.15
- Vol 1, No 3

TÁC ĐỘNG CỦA BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ: NGHIÊN CỨU Ở MỘT SỐ QUỐC GIA ĐANG PHÁT TRIỂN TRONG GIAI ĐOẠN 2010-2022

Nguyễn Hồng Nhung¹, Lê Mai Hạnh, Dương Hạnh Nguyên, Nguyễn Thị Thùy Dương,
Nguyễn Thị Khánh Linh

Sinh viên K62 Kinh tế đối ngoại – Viện Kinh tế & Kinh doanh quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Chu Thị Mai Phương

Giảng viên Khoa Kinh tế quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Bất bình đẳng thu nhập đã trở thành một trong những vấn đề cấp bách đối với sự phát triển kinh tế toàn cầu, đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển. Nghiên cứu này nhằm phân tích tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế tại 31 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 2010-2022. Thông qua việc áp dụng mô hình hồi quy OLS, nghiên cứu tập trung vào bốn biến độc lập: mức độ bất bình đẳng thu nhập, trình độ giáo dục, đầu tư của Chính phủ vào giáo dục, và tăng trưởng tổng vốn đầu tư cố định. Kết quả cho thấy bất bình đẳng thu nhập có tác động tiêu cực đáng kể đến tăng trưởng kinh tế. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm khắc phục và giải quyết tình trạng bất bình đẳng thu nhập tại các quốc gia đang phát triển.

Từ khóa: bất bình đẳng thu nhập, tăng trưởng kinh tế, nước đang phát triển, OLS.

THE IMPACT OF INCOME INEQUALITY ON ECONOMIC GROWTH: A STUDY IN SELECTED DEVELOPING COUNTRIES FROM 2010 TO 2022

Abstract

¹ Tác giả liên hệ: k62.2314110241@ftu.edu.vn

Income inequality has become one of the urgent issues for global economic development, particularly in developing countries. This study aims to analyze the impact of income inequality on economic growth in 31 developing countries during the period from 2010 to 2022. By applying the OLS regression model, the research focuses on four independent variables: the level of income inequality, education level, government investment in education, and the growth of total fixed capital investment. The results indicate that income inequality has a significant negative impact on economic growth. Based on the research findings, the authors propose several policy implications to address and mitigate income inequality in developing countries.

Keywords: income inequality, economic growth, developing countries, OLS.

1. Giới thiệu

Bất bình đẳng thu nhập ngày càng trở thành vấn đề quan trọng, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Theo Liên Hiệp Quốc (2020), hơn 70% dân số thế giới đối mặt với sự gia tăng bất bình đẳng thu nhập từ năm 1990. Mức độ chênh lệch này khác nhau giữa các quốc gia: trong khi Hoa Kỳ, Nga và Ấn Độ ghi nhận mức tăng đáng kể, Trung Quốc và nhiều nước châu Âu có xu hướng ổn định hơn. Tại Việt Nam, bất bình đẳng thu nhập tăng 12.8% trong giai đoạn 2014-2019 nhưng có dấu hiệu cải thiện từ 2019-2022 (Tổng cục Thống kê, 2024).

Nhiều nghiên cứu cho thấy bất bình đẳng thu nhập có thể kìm hãm tăng trưởng kinh tế (OECD, 2014), nhưng một số nghiên cứu khác lại chỉ ra tác động tích cực (Li & Zou, 1998). Tuy nhiên, kết quả chưa đồng nhất, đặc biệt trong bối cảnh các nước đang phát triển. Trong thập kỷ qua, khủng hoảng kinh tế, đại dịch Covid-19 và sự dịch chuyển xu hướng kinh tế đã làm gia tăng phân hóa thu nhập.

Tại Việt Nam, cùng với tăng trưởng kinh tế, khoảng cách thu nhập giữa nhóm giàu nhất và nghèo nhất cũng mở rộng. Dù kinh tế có dấu hiệu phục hồi, bất bình đẳng thu nhập vẫn là thách thức đối với phát triển bền vững. Tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế, đặc biệt ở Việt Nam, chưa được nghiên cứu đầy đủ. Do đó, nghiên cứu này tập trung đánh giá tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế tại một số quốc gia đang phát triển giai đoạn 2010-2022, nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách kinh tế hiệu quả, hướng tới phát triển bền vững.

2. Tổng quan và cơ sở lý thuyết

2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Nghiên cứu về sự ảnh hưởng của bất bình đẳng thu nhập tới tăng trưởng kinh tế đã được thực hiện từ lâu, nhưng các kết luận được đưa ra rất khác nhau. Điều này đã dẫn đến nhiều tranh cãi trong giới nghiên cứu khoa học. Cụ thể:

Nhóm các nghiên cứu cho rằng bất bình đẳng thu nhập có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế

Nhiều nghiên cứu cho thấy bất bình đẳng thu nhập tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Persson & Tabellini (1994) phân tích dữ liệu từ Hoa Kỳ, châu Âu và các nước hậu chiến, kết luận rằng bất bình đẳng cao dẫn đến thuế suất cao, làm giảm động lực đầu tư, kìm hãm tăng trưởng. Tuy nhiên, cơ chế này rõ rệt hơn ở các nước dân chủ. Alesina & Rodrik (1994) cho rằng tác động này khác nhau giữa quốc gia dân chủ và phi dân chủ. Clarke (1995) sau đó phát hiện bất bình đẳng thu nhập ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng ở cả hai loại hình, nhưng tác động mạnh hơn trong các nền dân chủ.

Nhóm các nghiên cứu cho rằng bất bình đẳng thu nhập có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế

Li & Zou (1998) kết luận rằng bất bình đẳng thu nhập thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn nhưng có tác động ngược lại trong dài hạn. Tuy nhiên, nghiên cứu của Li et al. (2016) cho thấy mối quan hệ thuận chiều trong dài hạn tại Trung Quốc. Nhìn chung, tác động này thường có lợi trong ngắn hoặc trung hạn, nhưng phụ thuộc vào bối cảnh kinh tế và mức độ phát triển của từng quốc gia.

Nhóm các nghiên cứu cho rằng bất bình đẳng thu nhập vừa có tác động tích cực, vừa có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, tùy vào điều kiện cụ thể

Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu cho thấy mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng kinh tế có thể thuận chiều hoặc ngược chiều, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể. Kuznets (1955) với lý thuyết "Chữ U ngược" cho rằng bất bình đẳng tăng ở giai đoạn đầu phát triển nhưng giảm dần khi kinh tế đạt đến một ngưỡng nhất định. Ahluwalia (1976) và Banerjee & Duflo (2003) đã củng cố quan điểm này qua phân tích dữ liệu từ nhiều quốc gia. Tại Việt Nam, Hoàng Thủy Yên (2015) cho thấy tác động của bất bình đẳng thu nhập phụ thuộc vào chỉ số Gini. Khi $Gini > 0.37$, bất bình đẳng thúc đẩy tăng trưởng, nhưng khi $Gini < 0.37$, tác động lại tiêu cực. Mức $Gini = 0.37$ được xem là tối ưu để vừa duy trì tăng trưởng vừa đảm bảo ổn định xã hội.

Nhóm các nghiên cứu cho rằng bất bình đẳng thu nhập không tác động đến tăng trưởng kinh tế

Một số nghiên cứu cho rằng không có mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng kinh tế. Deininger & Squire (1996) không tìm thấy bằng chứng về tác động này, trong khi Thewissen (2014) chỉ phát hiện ảnh hưởng rất nhỏ từ nhóm giàu nhất đến tăng trưởng. Barro (1999) cho rằng tác động của bất bình đẳng thu nhập phụ thuộc vào mức độ phát triển kinh tế. Cụ thể, nó có ảnh hưởng tiêu cực ở các nước kém phát triển (GDP bình quân đầu người < 2.000 USD) nhưng trở nên không rõ ràng ở các nước phát triển.

Khoảng trống nghiên cứu

Hầu hết các nghiên cứu trước đây đã chứng minh bất bình đẳng thu nhập có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, nhưng vẫn tồn tại một số khoảng trống. *Thứ nhất*, giai đoạn 2010-2022 với nhiều biến động chưa được nghiên cứu đầy đủ. *Thứ hai*, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào các nước phát triển, trong khi các quốc gia đang phát triển ít được xem xét. *Thứ ba*, tác động của các yếu tố như đầu tư, giáo dục, sức khỏe và ổn định chính trị chưa được phân tích sâu. Do đó, vẫn cần tiếp tục nghiên cứu để làm rõ hơn mối quan hệ này trong bối cảnh hiện đại.

và ở các nước đang phát triển. Vì vậy, nhóm tác giả quyết định chọn đề tài “***Tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế: Nghiên cứu ở một số nước đang phát triển trong giai đoạn 2010-2022***”

2.2. Cơ sở lý thuyết

2.2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.2.1.1. Khái niệm bất bình đẳng trong phân phối thu nhập

Bất bình đẳng thu nhập là sự chênh lệch thu nhập giữa các cá nhân hoặc nhóm xã hội, ảnh hưởng đến kinh tế và chính trị (Stiglitz, 2012). Piketty (2014) nhấn mạnh sự tập trung của cải vào nhóm nhỏ. WB cho rằng nó tác động đến cơ hội tiếp cận dịch vụ xã hội, giáo dục và y tế. OECD đo lường bất bình đẳng bằng chỉ số Gini, dao động từ 0 (bình đẳng hoàn toàn) đến 1 (bất bình đẳng hoàn toàn).

Nguyên nhân bao gồm chênh lệch trình độ (Becker, 1964), cấu trúc thị trường lao động (Autor et al., 2008), chính sách thuế và phúc lợi xã hội (OECD, 2011), toàn cầu hóa và công nghệ (Goldin & Katz, 2008), cùng bất bình đẳng giới tính và chủng tộc (Blau & Kahn, 2017). OECD (2011) phân loại bất bình đẳng theo chênh lệch thu nhập trước và sau thuế, phân bố thu nhập giữa hộ gia đình, nhóm kỹ năng và thế hệ.

Trong nghiên cứu này, bất bình đẳng thu nhập được hiểu là sự phân phối thu nhập không đều, khi nhóm giàu chiếm phần lớn thu nhập xã hội.

2.2.1.2. Khái niệm về tăng trưởng kinh tế

Lý thuyết tân cổ điển của Solow (1956) nhấn mạnh rằng tăng trưởng dài hạn phụ thuộc vào tích lũy vốn, tăng trưởng dân số và tiến bộ công nghệ, trong đó công nghệ là yếu tố quyết định. Samuelson (2009) định nghĩa tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng GDP hoặc GNP, còn Todaro (2015) mở rộng khái niệm này, bao gồm cải thiện chất lượng cuộc sống và bình đẳng thu nhập.

Tăng trưởng kinh tế chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố: đầu tư vào hạ tầng và công nghệ nâng cao năng suất (Solow, 1956), giáo dục cải thiện kỹ năng lao động (Becker, 1964), chính sách kinh tế tạo môi trường thuận lợi (Barro, 1991), hội nhập toàn cầu mở ra cơ hội phát triển (Dollar, 1992), tài nguyên thiên nhiên hỗ trợ tăng trưởng nếu quản lý bền vững (Sachs & Warner, 1995), và nghiên cứu phát triển thúc đẩy đổi mới (Griliches, 1998). Tuy nhiên, tăng trưởng không đồng nghĩa với phát triển bền vững nếu thiếu phân phối công bằng phúc lợi, bảo vệ môi trường và sử dụng hiệu quả tài nguyên.

2.2.2. Các lý thuyết kinh tế về tác động của bất bình đẳng trong thu nhập đến tăng trưởng kinh tế

2.2.2.1. Lý thuyết bình đẳng và tăng trưởng

Lý thuyết của Galor và Moav (2004) cho rằng có mối liên hệ giữa bình đẳng và tăng trưởng kinh tế qua hai giai đoạn: nông nghiệp và công nghiệp. Trong giai đoạn nông nghiệp, bất bình đẳng thu nhập cao dẫn đến phân bổ tài nguyên không công bằng, giảm đầu tư vào giáo dục cho tầng lớp thấp, kéo theo chất lượng nguồn nhân lực kém và năng suất thấp. Khi chuyển sang

giai đoạn công nghiệp, bình đẳng trở nên quan trọng hơn vì nó khuyến khích đầu tư vào giáo dục và phát triển kỹ năng, từ đó nâng cao năng suất lao động. Aghion và cộng sự (1999) cho rằng bất bình đẳng cao có thể cản trở cơ hội giáo dục và đầu tư vào nguồn lực con người, từ đó làm giảm tăng trưởng dài hạn. Sự bình đẳng trong phân phối thu nhập không chỉ thúc đẩy tăng trưởng bền vững mà còn tạo ra môi trường phát triển ổn định và giảm thiểu rủi ro xã hội.

2.2.2.2. Lý thuyết vốn con người

Lý thuyết vốn con người, do Gary Becker (1964) phát triển, nhấn mạnh rằng con người được coi là "vốn" và đầu tư vào con người thông qua giáo dục, đào tạo và sức khỏe có thể tạo ra giá trị kinh tế vì nó không chỉ nâng cao kỹ năng và kiến thức của cá nhân mà còn tạo ra giá trị kinh tế cho xã hội. Theodore Schultz (1961) cũng đã giới thiệu khái niệm này và nhấn mạnh rằng giáo dục và đào tạo là các yếu tố cốt lõi để giải thích sự tăng trưởng kinh tế dài hạn. Tuy nhiên, bất bình đẳng thu nhập có thể hạn chế khả năng tiếp cận các nguồn lực này, ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng nguồn nhân lực và khả năng phát triển kinh tế của một quốc gia. Becker (1964) chỉ ra rằng sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao này không chỉ làm giảm khả năng cạnh tranh của nền kinh tế mà còn dẫn đến tăng trưởng kinh tế kém hiệu quả trong dài hạn, cuối cùng ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của toàn xã hội.

2.2.2.3. Lý thuyết quản trị công

Lý thuyết quản trị công của Kaufmann (2005) nhấn mạnh vai trò trung gian của chất lượng quản trị trong mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng kinh tế. Quản trị tốt không chỉ thúc đẩy tăng trưởng bền vững mà còn giảm bất ổn xã hội, cải thiện môi trường kinh doanh và tăng cường lòng tin vào Chính phủ. Rothstein & Teorell (2008) cũng khẳng định chất lượng Chính phủ là yếu tố quan trọng cho phát triển và chất lượng cuộc sống. Đầu tư phản ánh chất lượng quản trị công. Gonzalez et al. (2016) cho rằng "tính minh bạch và trách nhiệm giải trình quyết định khả năng thu hút đầu tư nước ngoài."

2.3. Giả thuyết nghiên cứu

Nghiên cứu này được xây dựng dựa trên mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập, trình độ giáo dục, đầu tư của Chính phủ vào giáo dục, tăng trưởng cơ sở hạ tầng và tăng trưởng kinh tế. Trên cơ sở lý thuyết và tổng quan tài liệu đã được trình bày, nghiên cứu đưa ra các giả thuyết sau:

H1: Bất bình đẳng thu nhập có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển.

H2: Trình độ giáo dục có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển.

H3: Đầu tư của Chính phủ vào giáo dục có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển.

H4: Tăng trưởng của tổng vốn đầu tư cố định có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thu thập dữ liệu

Dữ liệu trong nghiên cứu này được thu thập từ nguồn dữ liệu thứ cấp từ Ngân hàng Thế giới (World Bank). Nhóm tác giả thu thập dữ liệu về chỉ số bất bình đẳng thu nhập (hệ số Gini), tỷ lệ tăng trưởng GDP, đầu tư của Chính phủ vào giáo dục, và các chỉ số cơ sở hạ tầng. Dữ liệu thu thập được kiểm tra, làm sạch để loại bỏ các giá trị thiếu hoặc không hợp lệ.

Đề tài thu thập 403 mẫu dữ liệu trong giai đoạn từ 2010 đến 2022 và bao gồm 31 quốc gia đang phát triển thuộc các khu vực khác nhau như châu Phi, châu Á và Mỹ Latinh. Điều này giúp đảm bảo tính đa dạng trong dữ liệu, cho phép kiểm tra tác động của bất bình đẳng thu nhập, giáo dục và đầu tư cơ sở hạ tầng ở nhiều bối cảnh kinh tế và xã hội khác nhau. Sau khi thống kê và loại bỏ những mẫu thiếu số liệu của các biến, còn lại 127 mẫu phù hợp để tiến hành phân tích.

Bảng 1. Mô tả biến

STT	Ký hiệu biến	Nội dung	Đơn vị	Chỉ số đo lường	Nguồn số liệu
1	gdpg	Tăng trưởng kinh tế	%	Tăng trưởng GDP bình quân đầu người	World Bank Data
2	gini	Mức độ bất bình đẳng thu nhập	%	Chỉ số Gini	World Bank Data
3	edu	Trình độ giáo dục	%	Trình độ giáo dục, ít nhất là Cử nhân hoặc tương đương, dân số từ 25 tuổi trở lên, tổng số (%) (tích lũy)	World Bank Data
4	ge	Đầu tư của chính phủ vào giáo dục	%	Tổng chi tiêu của Chính phủ cho giáo dục (% GDP)	World Bank Data
5	gfc	Tăng trưởng tổng vốn đầu tư cố định	%	Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của tổng vốn đầu tư cố định (%)	World Bank Data

Nguồn: Nhóm tác giả mô tả

3.2. Phương pháp phân tích

Mô hình nghiên cứu

Để kiểm tra các giả thuyết nghiên cứu, đề tài sử dụng phương pháp phân tích dữ liệu chéo (cross-sectional data) kết hợp với mô hình hồi quy OLS. Cụ thể, mô hình hồi quy có thể được diễn đạt như sau:

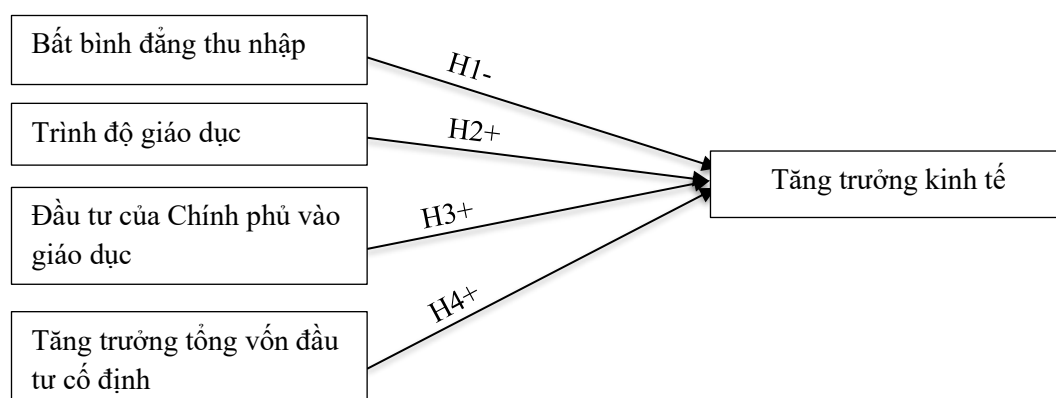
$$gdp_{gi} = \beta_1 + \beta_2 gini_i + \beta_3 .edu_i + \beta_4 .ge_i + \beta_5 .gfc_i + u_i$$

Trong đó:

Biến phụ thuộc (**gdp_{gi}**): Tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển (GDPG) đo lường thông qua tỷ lệ phần trăm GDP per capital growth qua mỗi năm.

Biến độc lập:

- Bất bình đẳng trong thu nhập (**gini**): mức độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập của quốc gia, được đo bằng chỉ số Gini.
- Trình độ giáo dục (**edu**): mức độ giáo dục của dân số trong các quốc gia đang phát triển, đo lường thông qua tỷ lệ phần trăm dân số từ 25 tuổi có trình độ từ Đại học/Cao Đẳng trở lên.
- Đầu tư của Chính phủ vào giáo dục (**ge**): mức độ đầu tư của Chính phủ vào hệ thống giáo dục, đo lường bằng số phần trăm GDP dành ra đầu tư cho giáo dục.
- Tăng trưởng tổng vốn đầu tư cố định (**gfc**): mức độ tăng trưởng của vốn đầu tư cố định của Chính phủ hàng năm, đo lường bằng tỷ lệ phần trăm tăng trưởng hàng năm của tổng vốn đầu tư cố định.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Mô tả thống kê

Trước khi tiến hành phân tích hồi quy, nhóm tác giả sẽ thực hiện mô tả thống kê cho các biến trong nghiên cứu. Mô tả thống kê sẽ bao gồm các chỉ số như trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị tối đa và tối thiểu, nhằm cung cấp cái nhìn tổng quan về dữ liệu.

Bảng 2. Mô tả thống kê các biến

Variable	Mean	Median	Minimum	Maximum
gdp _{gi}	1,8063	2,7956	-29,922	19,351
gini	39,180	36,750	24,000	63,400
edu	10,645	9,9037	0,00000	26,823
ge	4,0780	3,8970	1,2000	8,4371

gfc	5,0477	5,2890	-84,880	181,82
Variable	Std. Dev.	C.V.	Skewness	Ex. kurtosis
gdp	5,1715	2,8631	-1,8221	7,3129
gini	8,4732	0,21626	0,36935	-0,46800
edu	6,1577	0,57846	0,21122	-0,70897
ge	1,6017	0,39278	0,34548	-0,46616
gfc	18,895	3,7432	2,5767	27,879
Variable	5% Perc.	95% Perc.	IQ range	Missing obs.
gdp	-7,3478	7,3881	5,1211	13
gini	25,700	53,435	10,800	211
edu	0,67411	20,412	9,7572	195
ge	1,6834	6,7331	2,4469	96
gfc	-18,300	25,229	12,022	73

Nguồn: Nhóm tác giả thống kê trên phần mềm Gretl

Từ bảng phân tích trên có thể thấy giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị nhỏ nhất và mức độ phân tán ngẫu nhiên quanh giá trị trung bình của mỗi biến. Bên cạnh đó, các mẫu bị khuyết số liệu cũng được thống kê và loại bỏ.

Mô tả tương quan

Sau khi thực hiện mô tả thống kê, nhóm tác giả sẽ tiến hành phân tích tương quan giữa các biến để xác định mức độ liên hệ giữa chúng.

Bảng 3. Mô tả tương quan

gdp	gini	edu	ge	gfc	
1,0000	-0,1870	-0,0531	-0,1626	0,4580	gdp
	1,0000	-0,0684	0,1293	-0,0663	gini
		1,0000	0,5361	-0,0627	edu
			1,0000	-0,0495	ge
				1,0000	gfc

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Qua bảng ma trận tương quan giữa các biến, ta thấy: biến phụ thuộc gdp có mối quan hệ ngược chiều với các biến (gini, edu, ge) với mức độ tương quan thấp và cùng chiều với biến gfc với mức độ tương quan trung bình. Giữa các biến độc lập, nhìn chung mối quan hệ tác động đều không quá cao ($< 0,8$), do đó mô hình không có khả năng xảy ra đa cộng tuyến.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kết quả ước lượng

Bảng 4. Kết quả ước lượng mô hình OLS

	<i>Coefficient</i>	<i>Std. Error</i>	<i>t-ratio</i>	<i>p-value</i>
const	3,07016	1,28650	2,386	0,0185
gini	-0,0667926	0,0296057	-2,256	0,0258
edu	0,175057	0,0539541	3,245	0,0015
ge	-0,342246	0,171948	-1,990	0,0488
gfc	0,332534	0,0235628	14,11	<0,0001

Mean dependent var	2,058356	S.D. dependent var	4,258573
Sum squared resid	781,7006	S.E. of regression	2,531281
R-squared	0,657909	Adjusted R-squared	0,646693
F(4, 122)	58,65755	P-value(F)	1,57e-27
Log-likelihood	-295,6028	Akaike criterion	601,2055
Schwarz criterion	615,4265	Hannan-Quinn	606,9833

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Theo kết quả chạy hồi quy bằng phương pháp ước lượng OLS trên phần mềm Gretl, ta có mô hình hồi quy mẫu:

$$gdpg_i = 3,07016 - 0,0667926gini_i + 0,175057.edu_i - 0,342246.ge_i + 0,332534.gfc_i + u_i$$

Hệ số xác định $R^2 = 0,6579\%$ có nghĩa là các biến độc lập: bất bình đẳng thu nhập (gini), trình độ giáo dục (edu), đầu tư của Chính phủ vào giáo dục (ge), tăng trưởng tổng vốn đầu tư cố định (gfc) giải thích được 65.79% sự thay đổi giá trị của biến phụ thuộc hay chính là tăng trưởng kinh tế, 34.21% còn lại được giải thích bởi các biến bên ngoài mô hình.

Với mức ý nghĩa 5%, có thể thấy p-value < 0,05 ở tất cả các biến. Vì vậy, các biến độc lập được nêu ra trong mô hình đều mang ý nghĩa thống kê.

4.2. Kiểm định và khắc phục các khuyết tật mô hình

4.2.1. Kiểm định bỏ sót biến

Thiết lập cặp giả thuyết:

H_0 : Mô hình được xác định đúng dạng

H_1 : Mô hình được xác định không đúng dạng

Sử dụng phần mềm Gretl, kiểm định mô hình bằng Ramsey's RESET, nhóm tác giả thu được kết quả như sau:

$$F(2, 120) = 1,7386$$

$$p\text{-value} = P(F(2, 120) > 1,7386) = 0,180165$$

Thấy rằng: Tại mức ý nghĩa $\alpha = 0.05$, ta có $p\text{-value} > 0.05 \Rightarrow$ Chấp nhận H_0 . Vì vậy, mô hình được xác định đúng dạng.

4.2.2. Kiểm định đa cộng tuyến

Sử dụng phần mềm Gretl, nhóm tác giả kiểm định đa cộng tuyến mô hình được trình bày như bảng dưới đây:

Bảng 5. Kiểm định đa cộng tuyến

Biến	VIF
gini	1,249
edu	1,739
ge	1,821
gfc	1,059

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Như bảng kết quả trên cho thấy, các biến đều có giá trị $VIF < 10 \Rightarrow$ Mô hình không xảy ra đa cộng tuyến.

4.2.3. Kiểm định phân phối chuẩn của nhiễu

Thiết lập cặp giả thuyết:

H_0 : Nhiễu có phân phối chuẩn

H_1 : Nhiễu không có phân phối chuẩn

Sau khi phân tích trên phần mềm, kết quả thu được như sau:

$$\text{Chi-square}(2) = 68,5708$$

$$p\text{-value} = 1,28839e-15$$

Với mức ý nghĩa 5%, $p\text{-value} < 0,05 \Rightarrow$ Bác bỏ H_0 , chấp nhận H_1 . Suy ra mô hình gặp khuyết tật nhiễu không phân phối chuẩn. Tuy nhiên, cỡ mẫu trong bài đủ lớn (127 mẫu) nên các suy diễn thống kê vẫn có giá trị.

4.2.4. Kiểm định phương sai sai số thay đổi

Thiết lập cặp giả thuyết:

H_0 : Mô hình không có hiện tượng tự tương quan

H_1 : Mô hình có hiện tượng tự tương quan

Nhóm tác giả thu được kết quả sau khi phân tích như sau:

$$LM = 25,436$$

$$p\text{-value} = P(\text{Chi-square}(14) > 25,436) = 0,0304995$$

Với mức ý nghĩa 5%, $p\text{-value} = 0.0169 < 0.05 \Rightarrow$ Bác bỏ H_0 , chấp nhận H_1 . Vì vậy, mô hình xảy ra hiện tượng tự tương quan.

Cách khắc phục

Nhóm tác giả khắc phục khuyết tật phương sai sai số thay đổi bằng việc sử dụng sai số chuẩn mạnh (Robust Standard Errors). Sai số chuẩn mạnh là một phương pháp để điều chỉnh cho tự tương quan và heteroskedasticity. Thay vì tính toán sai số chuẩn theo cách truyền thống, sai số chuẩn mạnh tính toán lại để phản ánh đúng sự không độc lập của sai số. Kết quả ước lượng mô hình OLS sau khi khắc phục khuyết tật như sau:

Bảng 6. Kết quả ước lượng mô hình OLS (Robust Standard Errors)

	<i>Coefficient</i>	<i>Std. Error</i>	<i>t-ratio</i>	<i>p-value</i>
const	3,07016	1,19883	2,561	0,0117
gini	-0,0667926	0,0359594	-1,857	0,0657
edu	0,175057	0,0541921	3,230	0,0016
ge	-0,342246	0,151212	-2,263	0,0254
gfc	0,332534	0,0257956	12,89	<0,0001
Mean dependent var	2,058356	S.D. dependent var	4,258573	
Sum squared resid	781,7006	S.E. of regression	2,531281	
R-squared	0,657909	Adjusted R-squared	0,646693	
F(4, 122)	56,76631	P-value(F)	5,75e-27	
Log-likelihood	-295,6028	Akaike criterion	601,2055	
Schwarz criterion	615,4265	Hannan-Quinn	606,9833	

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Sau khi sử dụng sai số chuẩn mạnh Robust, các hệ số góc và hệ số chặn trong mô hình không thay đổi. Do đó, giữ nguyên mô hình hồi quy mẫu nêu ra dựa trên kết quả đã ước lượng OLS.

Hệ số của biến Gini là -0.0668, cho thấy bất bình đẳng thu nhập cao làm giảm tăng trưởng kinh tế. Ở các nước đang phát triển, khoảng cách giàu nghèo hạn chế đầu tư vào giáo dục, y tế, làm giảm năng suất lao động và sức mua, từ đó kìm hãm tăng trưởng. Kết quả này ủng hộ giả thuyết H1, khẳng định bất bình đẳng thu nhập là rào cản đối với phát triển kinh tế.

Hệ số của biến edu là 0.1751, cho thấy giáo dục có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Trình độ học vấn cao giúp nâng cao năng suất lao động, khả năng thích ứng công nghệ, từ

đó thúc đẩy sản xuất và phát triển. Kết quả này phù hợp với lý thuyết vốn con người, khẳng định đầu tư vào giáo dục góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng trưởng bền vững.

Mặc dù giả thuyết H3 cho rằng đầu tư của Chính phủ vào giáo dục sẽ có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, kết quả hồi quy lại cho thấy điều ngược lại. Kết quả hồi quy cho thấy chỉ tiêu Chính phủ cho giáo dục có thể làm giảm tăng trưởng kinh tế (hệ số $ge = -0.3422$). Nguyên nhân có thể do phân bổ nguồn lực kém hiệu quả hoặc tham nhũng. Điều này nhấn mạnh rằng không chỉ mức đầu tư mà cách quản lý và sử dụng nguồn vốn công cũng quyết định hiệu quả kinh tế.

Hệ số $gcf = 0.3325$ cho thấy vốn đầu tư cố định có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng, máy móc giúp nâng cao năng suất, thu hút đầu tư và tăng cường cạnh tranh. Điều này phù hợp với lý thuyết tăng trưởng kinh tế, nhấn mạnh vai trò của vốn vật chất trong phát triển dài hạn.

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy bất bình đẳng thu nhập cản trở tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển do hạn chế tiếp cận giáo dục, y tế và dịch vụ cơ bản. Trong khi đó, giáo dục và đầu tư cố định có tác động tích cực, nhưng chỉ tiêu công cho giáo dục lại mang dấu hiệu tiêu cực, có thể do phân bổ không hiệu quả. Do đó, tăng trưởng bền vững đòi hỏi cải thiện cả phân phối thu nhập và quản lý nguồn lực đầu tư.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết luận

Kết quả nghiên cứu này cho thấy bất bình đẳng thu nhập có tác động tiêu cực đáng kể đến tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia đang phát triển giai đoạn 2010 - 2022, phù hợp với quan điểm của Barro (1999) nhưng trái ngược với Deininger & Squire (1996) và Thewissen (2014), những nghiên cứu không tìm thấy mối quan hệ rõ ràng giữa hai yếu tố này. So với các nghiên cứu trước, nghiên cứu này tập trung vào bối cảnh kinh tế biến động mạnh sau 2010, đặc biệt ở các quốc gia đang phát triển, nơi bất bình đẳng có thể tác động mạnh hơn do hệ thống an sinh xã hội kém phát triển. Một trong những lý do chính là sự phân bổ không đồng đều về cơ hội, khiến nhóm thu nhập thấp gặp khó khăn trong tiếp cận giáo dục, y tế và vốn đầu tư, làm giảm năng suất lao động và hạn chế tiềm năng tăng trưởng.

Bên cạnh đó, kết quả cũng chỉ ra rằng chỉ tiêu Chính phủ cho giáo dục chưa đạt hiệu quả như mong đợi, có thể do vấn đề quản lý hoặc tham nhũng, phù hợp với lý thuyết của Kaufmann (2005) về vai trò của chất lượng quản trị công. Giai đoạn 2010 - 2022 cũng chứng kiến nhiều biến động kinh tế - chính trị, từ khủng hoảng tài chính toàn cầu đến đại dịch COVID-19 và sự gia tăng số hóa nền kinh tế, khiến bất bình đẳng thu nhập trở nên trầm trọng hơn. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng khẳng định vai trò quan trọng của giáo dục và cơ sở hạ tầng trong thúc đẩy tăng trưởng, phù hợp với lý thuyết của Solow (1956) và Becker (1964).

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy các quốc gia cần chú trọng không chỉ vào việc giảm bất bình đẳng thu nhập mà còn vào cải thiện hiệu quả đầu tư công và nâng cao chất lượng giáo dục để hướng tới tăng trưởng kinh tế bền vững.

Hàm ý chính sách

Thứ nhất, Chính phủ cần thực hiện chính sách thuế lũy tiến, đánh thuế cao hơn vào nhóm thu nhập cao và mở rộng trợ cấp xã hội có điều kiện để giảm bất bình đẳng thu nhập, đồng thời duy trì động lực tăng trưởng kinh tế (Piketty, 2014; Fiszbein & Schady, 2009).

Thứ hai, cần đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục và đào tạo. Việc đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục, đặc biệt là đào tạo nghề và STEM, giúp thu hẹp khoảng cách kỹ năng, nâng cao năng suất lao động và tạo ra lực lượng lao động có khả năng cạnh tranh trên thị trường toàn cầu (Acemoglu & Autor, 2011). Nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng cho lực lượng lao động nhằm tăng năng suất lao động và tạo ra nguồn nhân lực có khả năng cạnh tranh hơn trên thị trường.

Thứ ba, Chính phủ cũng cần thúc đẩy đầu tư vào cơ sở hạ tầng thông qua mô hình hợp tác công tư (PPP) để cải thiện kết nối kinh tế, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân (Calderón & Servén, 2010).

Thứ tư, cần có sự cải cách trong việc quản lý tài chính công. Quản trị công yếu kém có thể làm giảm hiệu quả của các chính sách phân phối thu nhập và đầu tư công (Kaufmann et al., 2005). Cải cách quản lý tài chính công bao gồm việc áp dụng ngân sách, theo dõi và đánh giá hiệu quả của từng khoản chi tiêu (Robinson & Brumby, 2005).

Hạn chế nghiên cứu

Nghiên cứu có ba hạn chế chính: *Thứ nhất*, dữ liệu từ các quốc gia đang phát triển có thể không phản ánh đầy đủ sự đa dạng về đặc điểm kinh tế - xã hội, làm giảm tính khái quát của kết quả; *Thứ hai*, nghiên cứu tập trung vào yếu tố vĩ mô mà chưa xem xét các yếu tố vi mô, dẫn đến hiểu biết chưa toàn diện về mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng kinh tế; *Thứ ba*, phạm vi thời gian từ 2010 - 2022 có thể chưa phản ánh đầy đủ tác động của các biến động kinh tế dài hạn và các sự kiện toàn cầu. Do đó, cần có các nghiên cứu sâu hơn để đề xuất chính sách hiệu quả hơn.

Tài liệu tham khảo

Acemoglu, D. & Autor, D. H. (2011). "Skills, tasks and technologies: Implications for employment and earnings", *Handbook of Labor Economics*, Vol. 4, pp. 1043–1171.

Aghion, P., Caroli, E. & García-Peñalosa, C. (1999). "Inequality and economic growth: The perspective of the new growth theories", *Journal of Economic Literature*, Vol. 37 No. 4, pp. 1615–1660.

Ahluwalia, M. S. (1976). "Income distribution and development: Some stylized facts", *American Economic Review*, Vol. 66 No. 2, pp. 128–135.

Alesina, A. & Rodrik, D. (1994). "Distributive politics and economic growth", *Quarterly Journal of Economics*, Vol. 109 No. 2, pp. 465–490.

Autor, D. H., Katz, L. F. & Kearney, M. S. (2008). "Trends in U.S. wage inequality: Revising the revisionists", *Review of Economics and Statistics*, Vol. 90 No. 2, pp. 300–323.

Banerjee, A. V. & Duflo, E. (2003). "Inequality and growth: What can the data say?", *Journal of Economic Growth*, Vol. 8 No. 3, pp. 267–299.

Barro, R. J. (1991). "Economic growth in a cross-section of countries", *Quarterly Journal of Economics*, Vol. 106 No. 2, pp. 407–443.

Barro, R. J. (1999). "Inequality and growth in a panel of countries", *Journal of Economic Growth*, Vol. 5 No. 1, pp. 5–32.

Becker, G. S. (1964). *Human capital: A theoretical and empirical analysis with special reference to education*. University of Chicago Press.

Blau, F. D. & Kahn, L. M. (2017). "The gender wage gap: Extent, trends, and explanations", *Journal of Economic Literature*, Vol. 55 No. 3, pp. 789–865.

Calderón, C. & Servén, L. (2010). "Infrastructure and economic development in Sub-Saharan Africa", *Journal of African Economies*, Vol. 19 Suppl. 1, pp. i13–i87.

Clarke, G. R. G. (1995). "More evidence on income distribution and growth", *Journal of Development Economics*, Vol. 47 No. 2, pp. 403–427.

Deininger, K. & Squire, L. (1996). 'A new data set measuring income inequality', *World Bank Economic Review*, Vol. 10 No. 3, pp. 565–591.

Dollar, D. (1992). "Outward-oriented developing economies really do grow more rapidly: Evidence from 95 LDCs, 1976–1985", *Economic Development and Cultural Change*, Vol. 40 No. 3, pp. 523–544.

Fiszbein, A. & Schady, N. (2009). *Conditional cash transfers: Reducing present and future poverty*. Washington, DC: World Bank.

Galor, O. & Moav, O. (2004). "From stagnation to growth: Unified growth theory", in *Advances in Economics and Econometrics: Theory and Applications, Ninth World Congress of the Econometric Society*, Vol. 1. Cambridge: Cambridge University Press.

Goldin, C. & Katz, L. F. (2008). *The race between education and technology*. Cambridge, MA: Harvard University Press.

Gonzalez, A., Kaufmann, D. & Leme, L. (2016). "The quality of government and foreign direct investment: A multilevel analysis", *World Development*, Vol. 77, pp. 185–195.

Griliches, Z. (1998). *R&D and productivity: The econometric evidence*. Chicago: University of Chicago Press.

Hoàng Thủy Yên (2015), *Tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam*, Luận án tiến sĩ.

Hoàng, P. T. (2024). "Đánh giá tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế ở các tỉnh thành Việt Nam giai đoạn 2018–2022", *Working Papers Series*.

Kaufmann, D. (2005). "Governance matters IV: Governance indicators for 1996–2004", *World Bank Policy Research Working Paper*.

Kaufmann, D., Kraay, A. & Mastruzzi, M. (2005). "Governance matters IV: Governance indicators for 1996–2004", *World Bank Policy Research Working Paper*, No. 3630.

Kuznets, S. S. (1955). "Economic growth and income inequality", *The American Economic Review*, Vol. 45, pp. 1–28.

Li, H. & Zou, H. (1998). "Income inequality is not harmful for growth: Theory and evidence", *Review of Development Economics*, Vol. 2 No. 3, pp. 318–334.

Li, J., Yu, L. & Zhang, H. (2016). "Income inequality and economic growth: Evidence from China", *China Economic Review*, Vol. 39, pp. 105–120.

OECD (2011). *Divided we stand: Why inequality keeps rising*. Paris: Organisation for Economic Co-operation and Development.

OECD (2014). *Focus on inequality and growth*. Paris: Organisation for Economic Co-operation and Development.

Persson, T. & Tabellini, G. (1994). "Is inequality harmful for growth?", *American Economic Review*, Vol. 84 No. 3, pp. 600–621.

Piketty, T. (2014). *Capital in the twenty-first century*. Cambridge, MA: Harvard University Press.

Robinson, M. & Brumby, J. (2005). "Does performance budgeting work? An analytical review of the empirical literature", *IMF Working Paper*, No. WP/05/210.

Rothstein, B. & Teorell, J. (2008). "What is the quality of government? A theory of impartial government institutions", *Governance*, Vol. 21 No. 2, pp. 165–190.

Sachs, J. D. & Warner, A. M. (1995). "Natural resource abundance and economic growth", *NBER Working Paper*, No. 5398.

Samuelson, P. A. & Nordhaus, W. D. (2009). *Economics*. Không rõ nơi xuất bản hoặc nhà xuất bản (bạn cần bổ sung).

Schultz, T. W. (1961). "Investment in human capital", *The American Economic Review*, Vol. 51 No. 1, pp. 1–17.

Solow, R. M. (1956), *A Contribution to the Theory of Economic Growth*.

Stiglitz, J.E. (2012) "*The price of inequality: How Today's Divided Society Endangers Our Future*. New York", NY: Norton & Company, pp. 15-23

Thewissen, S. (2014). 'Is it the income distribution or redistribution that affects growth?', *European Journal of Political Economy*, Vol. 34, pp. 259–280.

Todaro, M. P., & Smith, S. C. (2015), *Economic Development*.

Tổng cục Thống kê (2024), *Báo cáo thống kê kinh tế - xã hội Việt Nam 2014-2022*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.